

Số: 100/2025/QĐST-KDTM

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Tổng công ty cổ phần **B**; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, tầng 22 - tòa nhà M, số 229 phố T, phường K, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị D – sinh năm 1980; Căn cước công dân số 031180xxxxxx cấp ngày 10/5/2021 – Chuyên viên Ban nghiên cứu thị trường và quản trị rủi ro; Bà Trần Hồng N – sinh năm 1997; Căn cước công dân số 035197xxxxxx cấp ngày 17/02/2023 (theo Giấy ủy quyền số 821/GUQ-TGĐ ngày 19/6/2025 của Tổng công ty cổ phần **B**).

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P**; Địa chỉ trụ sở chính: số 278 phố T, phường Ô, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp

luật: ông Trần Quang T – Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu T – sinh năm 1979; Căn cước công dân số 031179xxxxxx cấp ngày 29/9/2024 (theo văn bản ủy quyền số 95/UQ-PĐ ngày 01/7/2025 của ông Trần Quang T).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Từ năm 2008 đến 2016, theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P**, Tổng công ty cổ phần **B** đã ký hợp đồng và cung cấp 04 đơn bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu (“P&I”) cho tàu Nosco Peace và Ngọc Sơn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải biển **B** (nay là Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P**). Chi tiết từng hợp đồng cụ thể như sau:

+ Ngày 10/12/2008, Tổng công ty cổ phần **B** và Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 015/HULL/PJICO-NOSCO/2008, bảo hiểm thân tàu cho tàu NOSCO PEACE. Cùng ngày, Tổng công ty cổ phần **B** phát hành Đơn bảo hiểm thân tàu số 08/DNI/LTH/1211/0002 với thời hạn bảo hiểm từ ngày 15/12/2008 đến 31/12/2009 và phí bảo hiểm là 55.259,18 USD. Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** đã thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** 37.572,10 USD, còn nợ 17.687,08 USD (mười bảy nghìn, sáu trăm tám mươi bảy Đô la Mỹ và tám cent). Thời hạn cuối cùng Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** là ngày 15/11/2009.

+ Ngày 28/12/2009, Tổng công ty cổ phần **B** và Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm thân tàu NOSCO PEACE số 001/HULL/PJICO-NOSCO/2010 bảo hiểm thân tàu và phát hành Đơn bảo hiểm số 10/DNI/LTH/1211/0001 để bảo hiểm cho tàu Nosco Peace, thời hạn bảo hiểm từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010, phí bảo hiểm là 46.200 USD. Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** đã thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** 37.978,93 USD còn nợ 8.221,07 USD (tám nghìn, hai trăm hai mươi một Đô la Mỹ và bảy cent); Thời hạn cuối cùng Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** là ngày 15/11/2010.

+ Ngày 25/02/2010, Tổng công ty cổ phần **B** và Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** ký kết Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu số 003/P&I/PJICO-NOSCO/2010, bảo hiểm thân tàu cho tàu NOSCO PEACE. Trước đó, ngày 04/02/2010, Tổng công ty cổ phần **B** phát hành Giấy chứng nhận Bảo hiểm P&I số 10/DNI/PHH/1212/0001, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu tàu Nosco Peace có thời hạn bảo hiểm 20/02/2010 đến ngày 20/02/2011, số phí bảo hiểm là 249.055,49 USD. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** mới thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** 169.767,14 USD,

còn nợ 79.288,35 USD (bảy mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi tám Đô la Mỹ và ba mươi lăm cent). Thời hạn cuối cùng Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** là ngày 20/01/2011.

+ Ngày 20/07/2016, Tổng công ty cổ phần **B** đã ký kết Hợp đồng Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu “NGOC SON” với Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** và phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-16/DNI/HHA/2102/0004 bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cho tàu Ngọc Sơn với mức khấu trừ cho mỗi khiếu nại là 5.000 USD. Căn cứ theo Bản án phúc thẩm số 68/2019/KDTM-PT ngày 28/06/2019, Tổng công ty cổ phần **B** thanh toán cho người thụ hưởng theo Hợp đồng bảo hiểm trên số tiền 54.550.536.172 đồng (chưa trừ đi mức khấu trừ). Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** có nghĩa vụ hoàn trả cho Tổng công ty cổ phần **B** số tiền khấu trừ là 5.000 USD. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** mới chỉ thanh toán cho Tổng công ty cổ phần **B** 3.362,63 USD và còn nợ 1.637,37 USD (Một nghìn, sáu trăm ba mươi bảy Đô La Mỹ và ba mươi bảy cent).

Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** xác nhận 02 tàu Nosco Peace và Ngọc Sơn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải biển Bắc (*nay là Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại P*). Tàu Nosco Peace, Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** đã bán cho chủ khác từ năm 2010. Tàu Ngọc Sơn bị đắm ở Maldives năm 2017 và đã tổn thất toàn bộ tàu.

Tính đến ngày 25/7/2017, các Hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa hai bên nêu trên đều đã hết thời hạn bảo hiểm, Tổng công ty cổ phần **B** đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm tuy nhiên Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** vẫn nợ phí bảo hiểm. Sau đó, hai bên không tiếp tục ký kết bảo hiểm nào liên quan đến 02 tàu này nữa.

Tính đến thời điểm hiện tại, hai bên xác định Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** còn nợ Tổng công ty cổ phần **B** số tiền là 2.384.735.153 (hai tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba) đồng – đây là khoản công nợ gốc phát sinh từ các hợp đồng nêu trên. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi khoản nợ.

Ghi nhận lộ trình thanh toán do hai bên đương sự tự nguyện thống nhất như sau: hàng tháng Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** có trách nhiệm thanh toán 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho Tổng công ty cổ phần **B** chậm nhất vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi thanh toán hết số tiền 2.384.735.153 (hai tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi ba) đồng.

Ngoài yêu cầu trên, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết việc gì khác.

- Về án phí: Ghi nhận sự thoả thuận của các bên về việc Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại **P** có trách nhiệm nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.847.000 (ba mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng (chưa nộp).

Hoàn trả Tổng công ty cổ phần **B** số tiền 42.800.000 (bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0078762 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Lệ Quyên